TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2023/HS-PT
Ngày: 12/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 161/2023/TL - HSPT ngày 20/02/2023, đối với bị cáo Phạm Thị Kim P do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 599/2022/HS-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo không có kháng cáo, nhưng bị kháng cáo:

Phạm Thị Kim P; sinh năm 1991, tại tỉnh Bình Dương; Hộ khẩu thường trú tại tổ 5, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở tại 1144 Tỉnh lộ 15, ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn lớp 12/12; Dân tộc Kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Phạm Anh T và bà Nguyễn Thị T; Có chồng và 3 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021); tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa của bị cáo Phạm Thị Kim P (do Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ định): Luật sư Trần Thị Thùy T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T, sinh năm 1990; trú tại 22/6 ấp G, xã H, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Phan Thanh H, thuộc Đoàn Luật sự Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Trong vụ án còn có những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo, nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 8 năm 2020, Phạm Thị Kim P không có nghề nghiệp, nhưng nói dối mình đang công tác tại Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, có suất mua xe ô-tô các loại với giá rẻ hơn giá thị trường khoảng 40%, làm cho những người bị hại tưởng thật, đồng ý mua xe và đưa tiền cho Phạm Thị Kim P. Bằng thủ đoạn trên, Phạm Thị Kim P đã chiếm đoạt tài sản của 03 người bị hại như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thanh H:

Phạm Thị Kim P là người quen với chị Nguyễn Thanh H và trong quá trình nói chuyện, Phạm Thị Kim P biết chị Nguyễn Thanh H đang có nhu cầu vay tiền để làm vốn kinh doanh, nên nói với chị Nguyễn Thanh H là hiện Phạm Thị Kim P đang công tác tại Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, có khả năng vay giúp tiền với lãi suất thấp, không cần tài sản thế chấp. Chị Nguyễn Thanh H tưởng thật nên nhờ Phạm Thị Kim P tác động để được vay Ngân hàng với số tiền 5 tỷ đồng và chị Nguyễn Thanh H đưa cho Phạm Thị Kim P 120.000.000 đồng để chi phí cho việc làm thủ tục vay tiền. Sau một thời gian chờ đợi, chị Nguyễn Thanh H hỏi về việc vay vốn thì Phạm Thị Kim P nói dối rằng do dịch bệnh nên chưa giải quyết được. Đến khoảng tháng 3/2020, Phạm Thị Kim P tiếp tục nói dối chị Nguyễn Thanh H là một năm Phạm Thị Kim P được mua 5 chiếc xe ô tô của tất cả các hãng với giá ưu đãi, giảm 40% so với giá thị trường. Chị Nguyễn Thanh H tưởng thật, nên nhờ Phạm Thị Kim P mua 04 chiếc xe ôtô, gồm: 01 chiếc xe Mazda CX8, 01 chiếc xe Ford bán tải, 01 chiếc xe Honda và 01 chiếc xe Ford 04 chỗ, với giá khoảng 3,5 tỷ đồng, chưa tính giá giảm. Chị Nguyễn Thanh H đã nhiều lần chuyển vào tài khoản số 18910000091753 của Phạm Thị Kim P tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh F, với số tiền là 680.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền Phạm Thị Kim P đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thanh H là 800.000.000 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Hoàng Ngọc T.

Thông qua chị Nguyễn Thanh H, Phạm Thị Kim P quen biết với chị Nguyễn Hoàng Ngọc T. Vào khoảng tháng 01/2020, Phạm Thị Kim P cũng tự giới với Nguyễn Hoàng Ngọc T là Phạm Thị Kim P đang công tác tại Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, có khả năng mua được xe ô tô với giá ưu đãi, giảm 40% so với giá thị trường. Nguyễn Hoàng Ngọc T tin tưởng nên đã nhờ Phạm Thị Kim P mua 01 chiếc xe ô tô hiệu Mazda 6 và 01 chiếc xe Mercedes C200 thì Phạm Thị Kim P bảo Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T đến các salon xe để hỏi giá rồi báo lại để Phạm Thị Kim P tính ra giá mua. Nguyễn Hoàng Ngọc T báo giá thị trường của 2 chiếc xe trên là 3 tỷ đồng thì Phạm Thị Kim P chốt giá tiền mua là 1,8 tỷ đồng và Nguyễn Hoàng Ngọc T đã nhiều lần chuyển vào tài khoản 18910000091753 của Phạm Thị Kim P tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh F với số tiền tổng cộng là 600.000.000 đồng. Sau khi đã chuyển 600.000.000 đồng thì Nguyễn Hoàng Ngọc T nhiều lần yêu cầu Phạm Thị Kim P giao xe, nhưng Phạm

Thị Kim P viện lý do dịch bệnh không giao xe được. Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T đòi lại tiền thì Phạm Thị Kim P hứa nếu không có xe thì Phạm Thị Kim P sẽ đền gấp 3 lần số tiền đã nhận, tức là 1,8 tỷ đồng và để làm tin Phạm Thị Kim P lấy 100.000.000 đồng từ tiền chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Đức P trả lại cho Nguyễn Hoàng Ngọc T bằng hình thức chuyển khoản. Do chờ lâu không có xe và không trả đủ tiền nên Nguyễn Hoàng Ngọc T đi tìm Phạm Thị Kim P để đòi lại tiền và ngày 31 tháng 8 năm 2020 vợ chồng Nguyễn Hoàng Ngọc T đã gặp Phạm Thị Kim P và buộc Phạm Thị Kim P viết giấy nợ 1,8 tỷ đồng như Phạm Thị Kim P đã hứa. Vì sợ Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T làm lớn chuyện, gia đình phía chồng biết nên Phạm Thị Kim P đã viết "Giấy nợ", với nội dung Phạm Thị Kim P nợ Nguyễn Hoàng Ngọc T 1,8 tỷ đồng và hẹn ngày 04/9/2020 sẽ trả đủ. Do nội dung "Giấy nợ" không rõ ràng, không ghi ngày tháng nên sau đó vài ngày thì vợ chồng Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T đến nhà Phạm Thị Kim P, yêu cầu Phạm Thị Kim P viết "Bản cam kết", với nội dung: Ngày 1/5/2020 Phạm Thị Kim P có nhận tiền mặt 1,8 tỷ đồng từ vợ chồng anh Lại Quốc C, chị Nguyễn Hoàng Ngọc T và cam kết ngày 20/9/2020 Phạm Thị Kim P sẽ hoàn lại 1,8 tỷ đồng cho anh Lại Quốc C, Nguyễn Hoàng Ngọc T. Nhưng sau đó Phạm Thị Kim P không trả cho Nguyễn Hoàng Ngọc T khoản tiền nào mà bỏ trốn.

3. Hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Đức P.

Vào khoảng tháng 4/2020, thông qua mạng facebook Phạm Thị Kim P quen biết với chị Nguyễn Thị Đức P. Trong quá trình nói chuyện, Phạm Thị Kim P nói với Nguyễn Thị Đức P là Phạm Thị Kim P đang công tác tại Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, có khả năng mua xe ô tô của tất cả các hãng với giá rẻ hơn 40% giá thị trường. Nguyễn Thị Đức P tưởng thật nên nhờ Phạm Thị Kim P mua giùm 01 chiếc xe ôtô Ford Everest 2020 và Phạm Thị Kim P báo giá mua chỉ có 690.000.000 đồng, giá thị trường là 1.150.000.000 đồng. Nguyễn Thị Đức P đã đưa cho Phạm Thị Kim P 100.000.000 đồng, sau đó từ ngày 07/4/2020 đến ngày 24/8/2020, Nguyễn Thị Đức P đã nhiều lần chuyển vào tài khoản số 18910000091753 của Phạm Thị Kim P tại Ngân hàng BIDV-Chi nhánh F, với số tiền là 360.000.000 đồng. Tổng cộng Phạm Thị Kim P đã chiếm đoạt của Nguyễn Thị Đức P là 460.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 599/2022/HS-ST ngày 27/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt **Phạm Thị Kim P** 14 (Mười bốn) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nguyễn Hoàng Ngọc T 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với các bị hại Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị Đức P; xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí, trách nhiệm chậm thi hành bản án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/02/2023, bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Kim P và yêu cầu buộc bị cáo bồi thường 1,8 tỷ đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T vẫn giữ nguyên kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Kim P, và yêu cầu buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt liên quan đến hành vi lừa mua xe ô tô là 1,8 tỷ đồng do bị hại giao trực tiếp bằng tiền cho bị cáo, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 1,8 tỷ đồng. Bị hại xác định số tiền 600.000.000 đồng (chuyển khoản) là số tiền bị hại cho bị cáo mượn.

Bị cáo không thừa nhận lời trình bày của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T, mà cho rằng bị hại chuyển khoản cho bị cáo 600.000.000 đồng tiền mua xe, trước khi vụ án bị khởi tố, bị cáo đã chuyển trả bị hại 100.000.000 đồng, nên bị cáo chỉ chiếm đoạt của bị hại 500.000.000 đồng, thông qua hình thức chuyển khoản, chứ bị cáo không nhận trực tiếp khoản tiền mặt 1,8 tỷ như Nguyễn Hoàng Ngọc T trình bày, bị cáo không chiếm đoạt khoản tiền này.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 8 năm 2020, Phạm Thị Kim P không có nghề nghiệp, nhưng nói dối mình đang công tác tại Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, có suất mua xe ô-tô các loại với giá rẻ hơn giá thị trường khoảng 40%, làm cho những người bị hại tưởng thật, đồng ý mua xe và đưa tiền cho Phạm Thị Kim P.

Bằng thủ đoạn trên, Phạm Thị Kim P đã chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thanh H 800.000.000 đồng; chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Đức P 460.000.000 đồng. Không có căn cứ xác định bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T giao trực tiếp cho bị cáo số tiền mặt 1,8 tỷ đồng là khoản tiền lừa đảo để mua xe, nên không có căn cứ xác định bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền này. Có căn cứ xác định bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T là 500.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của ba bị hại là 1.760.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" (điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đang nuôi 3 con nhỏ, trong đó có 1 con dưới 36 tháng tuổi (điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo 14 năm tù là đúng pháp luật, không nhẹ.

Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T về việc tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T 1,8 tỷ đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Kim P - Luật sư Trần Thị Thùy T - trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T về việc tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T 1,8 tỷ đồng, bởi lẽ:

Luật sư đồng tình với kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát, cho dù số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T là 500.000.000 đồng, 1,8 tỷ đồng, hay 2,3 tỷ đồng, thì cộng với số tiền bị cáo chiếm đoạt của hai người bị hại khác là chị Nguyễn Thanh H (800.000.000 đồng) và Nguyễn Thị Đức P (460.000.000), thì vẫn thuộc khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chính xác về việc bị cáo không nhận số tiền 1,8 tỷ đồng thông qua hình thức giao trực tiếp bằng tiền mặt, như bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T trình bày, vì tại các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị hại trình bày mọi giao dịch giữa bị cáo và bị hại đều thông qua hình thức chuyển khoản, nên không có lý gì mà khi giao dịch số tiền lớn (1,8 tỷ đồng) lại bằng tiền mặt, không ký nhận, không người làm chứng. Lời trình bày của bị cáo cho rằng bị cáo viết "Giấy nợ" và "Bản cam kết" là do bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T làm lớn chuyện, khiến gia đình bên chồng bị cáo biết, là có căn cứ.

Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T - Luật sư Phan Thanh H- trình bày:

Bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T đã giao cho bị cáo 1,8 tỷ đồng, để nhờ mua hai chiếc xe ô tô như lời hứa của bị cáo. Khi nhận tiền, bị cáo đã viết "Giấy nợ" và "Bản cam kết" có chữ ký và dấu vân tay của bị cáo. Theo Kết luận giám định của Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì "Chữ ký, chữ viết và dấu vân tay là của bị cáo Phạm Thị Kim P". Bị cáo không sử dụng số tiền trên để mua xe cho bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T, mà lấy tiền để chi dùng cá nhân. Bị cáo có hành vi lừa đảo và chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T 1,8 tỷ đồng.

Số tiền 600.000.000 đồng qua chuyển khoản, bị cáo đã trả được 100.000.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng, là tiền bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T cho bị cáo mượn. Bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác, để đòi Phạm Thị Kim P số tiền này.

Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo lừa đảo bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T 500.000.000 đồng là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T.

Mức án 14 năm tù, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo, là quá nhẹ.

Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền 1,8 tỷ, buộc bồi thường cho bị hại 1,8 tỷ đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Kim P, và yêu cầu buộc bị cáo bồi thường 1,8 tỷ đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 8 năm 2020, Phạm Thị Kim P không có nghề nghiệp, nhưng nói dối mình đang công tác tại Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, có suất mua xe ô-tô các loại với giá rẻ hơn giá thị trường khoảng 40%, làm cho những người bị hại tưởng thật, đồng ý mua xe và đưa tiền cho Phạm Thị Kim P. Bằng thủ đoạn trên, Phạm Thị Kim P đã chiếm đoạt tài sản của 03 người bị hại như sau: chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thanh H 800.000.000 đồng, chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Đức P 460.000.000 đồng. Đối với hai khoản tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thanh H (800.000.000 đồng) và bị hại Nguyễn Thị Đức P (460.000.000 đồng), giữa bị cáo và hai bị hai trình bày thống nhất với nhau. Ngoài ra, bằng thủ đoạn trên, bị cáo còn chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T một số tiền, theo bị cáo là 500.000.000 đồng, còn theo bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T, thì bị hại đã chuyển tổng cộng cho bị cáo 2.300.000.000 đồng (trong đó, gồm: 500.000.000 đồng (chuyển khoản) và 1.800.000.000 đồng (do giao nhận trực tiếp bằng tiền mặt).

Quá trình tham gia tố tụng, bị cáo thừa nhận bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T nhờ bị cáo mua 01 chiếc xe ô tô hiệu Mazda 6 và 01 chiếc xe Mercedes C200. Bị cáo và Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T thống nhất giá mua của hai chiếc xe này là 1,8 tỷ đồng, sau khi đã giảm 40% và Nguyễn Hoàng Ngọc T đã nhiều lần chuyển vào tài khoản 18910000091753 của bị cáo tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh F, với số tiền tổng cộng là 600.000.000 đồng. Sau thời gian chờ đợi nhưng không nhận được xe, Nguyễn Hoàng Ngọc T đòi lại tiền thì bị cáo đã chuyển khoản trả lại 100.000.000 đồng, nên bị cáo chỉ còn chiếm đoạt của Nguyễn Hoàng Ngọc T là 500.000.000 đồng. Bị cáo thừa nhận có viết giấy nợ Nguyễn Hoàng Ngọc T 1,8 tỷ đồng, nhưng thực tế bị cáo không có nhận số tiền này. Lý do bị cáo viết giấy nợ là quá trình Nguyễn Hoàng Ngọc T đòi lại tiền, bị cáo có hứa nếu không có xe thì bị cáo bồi thường gấp 3 lần số tiền đã nhận, nên khi vợ chồng Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T tìm gặp, gây áp lực buộc bị cáo phải viết giấy nợ 1,8 tỷ đồng như

đã hứa. Vì sợ Nguyễn Hoàng Ngọc T làm lớn chuyện, gia đình chồng biết bị cáo lừa đảo nên bị cáo viết giấy nợ 1,8 tỷ đồng theo yêu cầu của vợ chồng Nguyễn Hoàng Ngọc T. Sau khi viết giấy nợ khoảng 4 đến 5 ngày thì vợ chồng Nguyễn Hoàng Ngọc T đến nhà bị cáo buộc bị cáo viết giấy cam kết trả nợ, nếu không viết thì Nguyễn Hoàng Ngọc T báo với Công an nên bị cáo viết giấy cam kết theo yêu cầu của Nguyễn Hoàng Ngọc T.

Tại đơn tố giác tội phạm thì bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T tố giác bị cáo chiếm đoạt của bị hại 1,8 tỷ đồng; quá trình điều tra bị hại khai khoảng tháng 5 năm 2020 bị hại đến nhà giao 1,8 tỷ đồng tiền mặt và ngay sau khi nhận tiền thì bị cáo viết lại cho bị hại một giấy nợ, nội dung nhận đủ 1,8 tỷ đồng (BL số 74). Tại lời khai ngày 27/11/2020, lời khai ngày 19/01/2021 (BL số 96, 98) và tại phiên tòa ngày 27/6/2022 thì bị hại khai đã giao cho bị cáo 1,8 tỷ đồng tiền mặt tại nhà, nhưng không yêu cầu bị cáo viết giấy nhận tiền. Đến khoảng cuối tháng 8/2020, vợ chồng bị hại tìm bị cáo để đòi tiền và tại quán Càfe, thì bị cáo viết giấy nợ, xác nhận có nhận 1,8 tỷ đồng của bị hại. Sau khi về nhà xem lại thấy "Giấy nợ" ghi không rõ ràng và không ghi ngày tháng, nên vợ chồng bị hại tiếp tục đến nhà bị cáo yêu cầu viết "Bản cam kết", ghi rõ ngày nhận tiền là ngày 01/5/2020 và cam kết đến ngày 20/9/2020 sẽ trả lại 1,8 tỷ đồng, nếu không có xe. Còn anh Lại Quốc C, chồng của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T thì khai nguồn tiền mà Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T giao cho bị cáo không lấy từ gia đình; ngày 31/8/2020 khi vợ chồng anh gặp bị cáo tại quán café "O" thì anh có yêu cầu bị cáo viết giấy nợ (BL số 70). Tuy nhiên, tại BL số 385, anh Lại Quốc C khai trong khoản tiền 1,8 tỷ đồng "Vợ chồng có một phần".

Tại đơn tố giác tội phạm, quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày 27/6/2022, bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T khai bị cáo chiếm đoạt 1,8 tỷ đồng và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này. Còn số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản, thì hai bên đã thỏa thuận chuyển sang tiền mượn, nên không yêu cầu.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định lời khai của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T và của anh Lại Quốc C về nguồn gốc số tiền 1,8 tỷ đồng và việc giao 1,8 tỷ đồng tiền mặt cho bị cáo có nhiều mâu thuẫn, không phù hợp với các chứng cứ khách quan của vụ án, bởi lẽ, giá tiền của hai chiếc xe mà bị hại nhờ bị cáo mua là 1,8 tỉ đồng (sau khi đã giảm giá 40%), bị hại đã chuyển tiền qua tài khoản của bị cáo 600.000.000 đồng, thì số tiền còn lại dù chuyển bằng hình thức nào cũng chỉ là 1,2 tỷ đồng, chứ không thể là 1,8 tỷ đồng, là có căn cứ.

Về nguồn tiền mặt 1,8 tỷ đồng để bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T giao cho bị cáo, thì tại phiên tòa ngày 27/6/2022, bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T trình bày, do mượn của mẹ là bà Trần Thị H 800.000.000 đồng, mượn của bà Phạm Ngọc T 500.000.000 đồng và mượn bà Phạm Thị Ngọc H 500.000.000 đồng. Quá trình điều tra bổ sung thì bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T khai mượn của bà Trần Thị H 1.000.000.000 đồng, mượn của bà Phạm Thị Ngọc H 600.000.000 và mượn của bà Phạm Ngọc T 200.000.000 đồng (BL 364-365). Tại phiên tòa ngày 28/9/2022, bị hại khai mượn của bà Trần Thị H 800.000.000 đồng, mượn của bà Phạm Thị Ngọc H khoảng 400.000.000 đồng và mượn của bà Phạm Ngọc T khoảng

600.000.000 đồng. Tại lời khai ngày 28 tháng 7 năm 2022 (BL số 366), bà Trần Thị H khai cuối tháng 4 năm 2020, bà có cho Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T mượn 01 tỷ đồng tiền mặt, còn chị Phạm Thị Ngọc H và Phạm Ngọc T hiện không còn cư trú tại địa chỉ mà Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T đã cung cấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định lời khai của Nguyễn Hoàng Ngọc T về nguồn tiền 1,8 tỷ đồng không có căn cứ, là đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T khai do bị hại vay mượn mẹ nhiều lần tiền, nên không nhớ chính xác số tiền vay mượn của bà Trần Thị H, và trong số tiền mà bị hại vay của bà Trần Thị H, bị hại có chuyển khoản cho bị cáo vay lại 200.000.000 đồng, nhưng bị cáo không thừa nhận lời trình bày này của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T.

Đánh giá tổng thể các chứng cứ, tài liệu, diễn biến vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng không đủ căn cứ kết luận bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T khoản tiền 1.800.000.000 đồng. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chỉ căn cứ vào "Giấy nợ" (BL 56) và "Bản cam kết" (BL 57) thể hiện nội dung bị cáo Phạm Thị Kim P xác nhận và cam kết sẽ trả cho bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T 1.800.000.000 đồng tiền mua giúp xe, là chưa đánh giá tổng thể tính khách quan của các chứng cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có căn cứ chứng minh bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T số tiền 1,8 tỷ, mà chỉ chiếm đoạt 500.000.000 đồng, để hứa mua xe, là có căn cứ.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của 3 bị hại là 1.760.000.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo chiếm đoạt tài sản của 3 người khác nhau, vào các thời điểm khác nhau, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên", theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đang nuôi 3 con nhỏ, trong đó có 1 con dưới 36 tháng tuổi, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, xử phạt bị cáo 14 năm tù, là đúng pháp luật, không nhẹ.

Bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo bồi thường 1,8 tỷ đồng, nhưng tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới, nên không có căn cứ được chấp nhận.

[2.3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, được chấp nhận.

[2.4]. Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo, và lời trình bày của bị cáo, được chấp nhận.

[2.5]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T, không được chấp nhận.

[2.6]. Hồ sơ thể hiện, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất ngày 27/6/2022, bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T có mặt. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần hai ngày 28/9/2022, bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T có mặt. Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa sơ thẩm lần hai, trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung. Sau khi có quyết định điều tra bổ sung, và cáo trạng mới, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6095/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022, ấn định thời gian xét xử là ngày 27/12/2022. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án chỉ có tài liệu là "Vận đơn gửi nhiều bưu cục", thể hiện Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi quyết định đưa vụ án nêu trên cho bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T, qua đường bưu điện, nhưng không thể hiện bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T đã nhận được văn bản tố tụng này hay chưa. Mặt khác, tài liệu ghi "Vận đơn gửi nhiều bưu cục" không được đóng dấu bút lục của Tòa án cấp sơ thẩm, là vi phạm về trình tự thu thập tài liệu.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 297 Bộ luật hình sự năm 2015 "Trường hợp hoãn phiên tòa phải được xét xử lại từ đầu". Tức là, bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T phải được triệu tập hợp lệ đến Tòa. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, tại các phiên tòa trước và quá trình tham gia tố tụng, bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T đã có nhiều lời trình bày. Việc xét xử vắng mặt bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T và các sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án, nên không cần thiết phải sửa bản án hình sự sơ thẩm nêu trên, nhưng yêu cầu Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm về chuyên môn.

[2.7]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.8]. Về án phí phúc thẩm hình sự: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc T phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 355, Điều 356, Điều 343 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 599/2022/HS-ST ngày 27-12-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt **Phạm Thị Kim P** 14 (Mười bốn) năm tù, về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho những người có tên sau đây với số tiền cụ thể như sau: Bồi thường cho chị Nguyễn Hoàng Ngọc T với số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng).

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị hại Nguyễn Hoàng Ngọc T phải chịu 200.000 đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương **Nguyễn Thị Thụy Vũ** **Nguyễn Thị Thúy Hòa**